

TỔNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của HĐND huyện Na Rì)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh		KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
I	Vốn ngân sách địa phương	171.730,63	14.907,39	0,00	186.638,02	
1	Nguồn vốn cân đối ngân sách huyện điều hành	78.054,00			78.054,00	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	19.777,00			19.777,00	
3	Đầu tư từ nguồn tiết kiệm chi năm 2020 ngân sách địa phương	19.159,00			19.159,00	
4	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2020 chuyển sang năm 2021 hỗ trợ xã về đích nông thôn mới năm 2021	2.008,000			2.008,00	
5	Nguồn ngân sách huyện cho quỹ hỗ trợ nông dân giai đoạn 2021-2025	250,00			250,00	
6	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2021 ngân sách huyện	2.407,50	11.830,67		14.238,17	Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo
7	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ lập quy hoạch chung xã	2.750,00			2.750,00	
8	Nguồn tỉnh hỗ trợ thực hiện CTMTQG XD NTM	11.000,00			11.000,00	
9	Nguồn tiết kiệm chi năm 2022; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi thu tiền sử dụng đất năm 2022	18.091,29	1.576,71		19.668,00	Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo
10	Nguồn tỉnh hỗ trợ thực hiện quy hoạch điểm dân cư nông thôn	400,00			400,00	

11	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2023 chuyển sang năm 2024 (<i>hỗ trợ UBND huyện Na Rì hoàn thiện hạ tầng nông thôn mới xã Côn Minh và xã Liêm Thủy</i>)	3.000,00			3.000,00	
12	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách huyện năm 2023 chuyển sang năm 2024; nguồn tăng thu tiết kiệm chi thu tiền sử dụng đất năm 2023 chuyển sang năm 2024	14.833,84			14.833,84	
13	Nguồn dự phòng ngân sách trung ương		1.500,00		1.500,00	Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
CẤP HUYỆN ĐIỀU HÀNH (LẦN 11)

(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2024 của HĐND huyện Na Ri)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế ngân sách địa phương giao hết năm 2020	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Đề nghị điều chỉnh		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Nguồn NS địa phương	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán	Nguồn NS địa phương			Giảm	Tăng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG CỘNG				47.118,58	31.836,18		43.598,53	31.519,83		8.965,50	863,88	15.771,27	23.872,89		
A	NGUỒN CÂN ĐỐI NS HUYỆN				11.900,00	4.780,00		11.187,83	4.075,28		4.780,00	704,72	704,72	4.780,00		
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC				5.600,00	1.120,00		5.435,17	958,17		1.120,00	161,83		958,17		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025															
1	Xây dựng nhà hiệu bộ Trường TH&THCS Cường Lợi, huyện Na Ri	2023	2024	2577/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	3.300,00	660,00	3036/QĐ-UBND ngày 05/10/2024	3.168,63	531,63		660,00	128,37		531,63	Ban QLDA ĐTXD huyện	Dự án đã được phê duyệt quyết toán
2	Xây dựng phòng học bộ môn Trường TH&THCS Kim Lư, huyện Na Ri	2023	2024	2578/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	2.300,00	460,00	2455/QĐ-UBND ngày 14/8/2024	2.266,54	426,54		460,00	33,46		426,54	Ban QLDA ĐTXD huyện	Dự án đã được phê duyệt quyết toán
II	LĨNH VỰC KINH TẾ				3.000,00	3.000,00		2.632,87	2.632,87		3.000,00	367,13		2.632,87		
	Du lịch				3.000,00	3.000,00		2.632,87	2.632,87		3.000,00	367,13		2.632,87		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025															
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm du lịch Hồ Khuổi Khe, xã Kim Lư, huyện Na Ri	2023	2024	4099/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	3.000,00	3.000,00	3037/QĐ-UBND ngày 05/10/2024	2.632,87	2.632,87		3.000,00	367,13		2.632,87	Ban QLDA ĐTXD huyện	Dự án đã được phê duyệt quyết toán
III	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				3.300,00	660,00		3.119,79	484,24		660,00	175,76		484,24		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025															
8	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quang Phong, huyện Na Ri	2023	2024	2582/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	3.300,00	660,00	2445/QĐ-UBND ngày 14/8/2024	3.119,79	484,24		660,00	175,76		484,24	Ban QLDA ĐTXD huyện	Dự án đã được phê duyệt quyết toán
IV	DỰ CHƯA PHÂN BỐ												704,72	704,72		
B	THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				2.678,00	1.778,00		2.518,83	1.618,83		1.778,00	159,17	159,17	1.778,00		
I	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH				1.500,00	600,00		1.478,63	578,63		600,00	21,37		578,63		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025															
1	Giải phóng mặt bằng và san nền Trụ sở Công an xã Cư Lễ, Văn Vũ, huyện Na Ri	2023	2024	4581/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	1.500,00	600,00	2659/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	1.478,63	578,63		600,00	21,37		578,63	Ban QLDA ĐTXD huyện	Dự án đã được phê duyệt quyết toán
II	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THÔNG TIN				1.178,00	1.178,00		1.040,21	1.040,21		1.178,00	137,79		1.040,21		

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế ngân sách địa phương giao hết năm 2020	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Đề nghị điều chỉnh		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Nguồn NS địa phương	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán	Nguồn NS địa phương			Giảm	Tăng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025															
2	Đầu tư một số hạng mục Chợ tỉnh Xuân Dương, huyện Na Rì	2024	2024	539/QĐ-UBND ngày 13/3/2024	1.178,00	1.178,00	2902/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	1.040,21	1.040,21		1.178,00	137,79		1.040,21	Ban QLDA ĐTXD huyện	Dự án đã được phê duyệt quyết toán
III	ĐƯ CHƯA PHÂN BỐ												159,17	159,17		
C	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2021 NGÂN SÁCH HUYỆN										2.407,50		11.830,673	14.238,173		
I	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH				400,00	400,00							400,00	400,00		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025															
1	Xây dựng nhà kho bảo quản tang vật của Công an huyện Na Rì	2022	2022	3095/QĐ-UBND 30/8/2022	400,00	400,00							400,00	400,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC				4.500,00	4.500,00							4.500,00	4.500,00		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025															
2	Xây dựng nhà vệ sinh điểm trường Bán Sáng - Trường TH&THCS Văn Lang, huyện Na Rì	2022	2022	2977/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	200,00	200,00							200,00	200,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	
3	Nâng cấp, cải tạo Trường Mầm non Trần Phú, huyện Na Rì	2022	2022	2978/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	700,00	700,00							700,00	700,00		
4	Nâng cấp, cải tạo Trường TH&THCS Côn Minh, huyện Na Rì	2022	2022	3125/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	500,00	500,00							500,00	500,00		
5	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học Trường TH&THCS Lương Thành, huyện Na Rì	2022	2022	3052/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.600,00	1.600,00							1.600,00	1.600,00		
6	Xây dựng Nhà hiệu bộ điểm trường chính Trường TH Yên Lạc, huyện Na Rì	2022	2022	3053/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.200,00	1.200,00							1.200,00	1.200,00		
7	Hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Mầm non Côn Minh	2022	2022	158/QĐ-UBND ngày 26/01/2022	300,00	300,00							300,00	300,00		
III	LĨNH VỰC VĂN HÓA, THÔNG TIN				3.133,10	2.959,00							2.959,00	2.959,00		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025															
8	Nâng cấp, cải tạo Nhà văn hoá truyền thống, huyện Na Rì	2022	2022	3282/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	1.100,00	1.100,00							1.100,00	1.100,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	
9	Xây dựng nhà văn hóa Tổ nhân dân Phố A, thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì	2022	2022	3284/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	324,10	200,00							200,00	200,00	UBND thị trấn Yên Lạc	

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế ngân sách địa phương giao hết năm 2020	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Đề nghị điều chỉnh		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Nguồn NS địa phương	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán	Nguồn NS địa phương			Giảm	Tăng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
10	Xây dựng công chào huyện Na Rì	2022	2022	4133/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	689,00	689,00							689,00	689,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	
11	Đầu tư xây dựng công và hệ thống đèn chiếu sáng Phố Cổ, thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì	2022	2022	4191/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	570,00	570,00							570,00	570,00		
12	Nhà bia ghi tên liệt sỹ xã Sơn Thành, huyện Na Rì	2022	2022	3257/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	450,00	400,00							400,00	400,00		
IV	LĨNH VỰC KINH TẾ				2.200,000	2.200,000							2.200,000	2.200,000		
	Giao thông															
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025															
13	Đường tránh từ ngã ba vào trụ sở UBND xã Quang Phong, huyện Na Rì	2022	2022	2976/QĐ-UBND ngày 18/8/2022	400,00	400,00							400,00	400,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	
14	Xây dựng ngầm tràn thôn Nà Cai, xã Xuân Dương, huyện Na Rì	2022	2022	2899/QĐ-UBND ngày 11/8/2022	1.800,00	1.800,00							1.800,00	1.800,00		
V	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				8.059,150	8.059,150							1.771,673	1.771,673		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025															
15	Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục Trụ sở UBND và Nhà văn hóa xã Cường Lợi, huyện Na Rì	2022	2022	3027/QĐ-UBND ngày 25/8/2022	1.200,00	1.200,00							1.200,00	1.200,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	
	Dự án quyết toán															
16	Trụ sở UBND xã Xuân Dương, huyện Na Rì	2019	2020	2471a/QĐ-UBND ngày 09/6/2016	5.359,15	5.359,15	99/QĐ-UBND ngày 20/01/2021	5.150,31	5.150,31				275,38	275,38	Ban QLDA ĐTXD huyện	
17	Sửa chữa, cải tạo và xây mới phòng làm việc trụ sở UBND xã Cường Lợi huyện Na Rì	2021	2021	3625/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	1.500,00	1.500,00	4307/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	1.454,30	1.454,30				296,30	296,30	Ban QLDA ĐTXD huyện	
D	NGUỒN TIẾT KIỆM CHI NĂM 2022; NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022				31.040,58	23.778,18		29.891,87	25.825,72				1.576,71	1.576,71		
I	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG				8.566,50	5.566,50		8.348,13	5.348,13				582,83	582,83		
	Dự án quyết toán															
1	Trung tâm chỉ huy quân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	2013	2014	872/QĐ-UBND ngày 15/4/2013	8.566,50	5.566,50	1521/QĐ-UBND ngày 31/7/2015; 1791/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	8.348,13	5.348,13				582,83	582,83	Ban QLDA ĐTXD huyện	
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO				17.062,40	13.050,00		16.526,81	15.709,67				714,70	714,70		
	Dự án quyết toán															

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế ngân sách địa phương giao hết năm 2020	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Đề nghị điều chỉnh		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Nguồn NS địa phương	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán	Nguồn NS địa phương			Giảm	Tăng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Khắc phục sạt lở Trường Mầm non Kim Hỷ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	2021	2021	3932/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	350,00	350,00	1383/QĐ-UBND ngày 30/6/2021; 1791/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	349,74	349,74				149,74	149,74	Ban QLDA ĐTXD huyện	
3	Trường Mầm non Côn Minh huyện Na Rì	2020	2020	78/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	8.550,00	7.700,00	148/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 1791/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	8.152,35	7.736,68				7,19	7,19	Ban QLDA ĐTXD huyện	
4	Trường Tiểu học và THCS Côn Minh huyện Na Rì	2020	2020	79/QĐ-UBND ngày 12/8/2019	5.550,00	5.000,00	147/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 1791/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	5.465,06	5.191,66				3,58	3,58	Ban QLDA ĐTXD huyện	
5	Sửa chữa, nâng cấp trường TH&THCS Kim Lư, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	2020	2021	2669/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	2.612,40		3788/QĐ-UBND ngày 27/10/2021; 1791/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	2.559,66	2.431,59				554,19	554,19	Ban QLDA ĐTXD huyện	
III	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ				1.106,69	1.106,69		1.062,92	1.062,92				62,92	62,92		
	Dự án quyết toán															
6	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Khu di tích Động Năng tiên, huyện Na Rì	2021	2022	3902/QĐ-UBND ngày 04/11/2021; Quyết định số 1388/QĐ-UBND ngày 12/5/2022	1.106,69	1.106,69	4240/QĐ-UBND ngày 08/12/2022; 1791/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	1.062,92	1.062,92				62,92	62,92	Ban QLDA ĐTXD huyện	
IV	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				3.900,00	3.900,00		3.556,79	3.556,79				215,29	215,29		
	Dự án quyết toán															
7	Sửa chữa một số hạng mục của Nhà khách huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	2020	2020	2663/QĐ-UBND ngày 09/10/2019	2.200,00	2.200,00	4510/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	1.881,18	1.881,18				19,01	19,01		
8	Sửa chữa, cải tạo một số hạng mục trụ sở Huyện ủy Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	2021	2021	3963/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	1.500,00	1.500,00	3360/QĐ-UBND ngày 27/9/2021; 1791/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	1.477,49	1.477,49				177,49	177,49	Ban QLDA ĐTXD huyện	
9	Sửa chữa, cải tạo các nhà văn hóa thôn của xã Côn Minh: Bán Cuôn, Chợ B, Chè Cọ, Nả Làng	2021	2021	3454a/QĐ-UBND ngày 29/9/2021	200,00	200,00	614/QĐ-UBND ngày 11/3/2022; 1791/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	198,12	198,12				18,79	18,79		
V	LĨNH VỰC BẢO ĐẢM XÃ HỘI				405,00	155,00		397,23	148,21				0,98	0,98		
	Dự án quyết toán															

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế ngân sách địa phương giao hết năm 2020	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Đề nghị điều chỉnh		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Nguồn NS địa phương	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán	Nguồn NS địa phương			Giảm	Tăng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
10	Nhà bia ghi tên liệt sĩ xã Ân Tĩnh, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	2018	2019	2377/QĐ-UBND ngày 26/9/2018	405,00	155,00	2741/QĐ-UBND ngày 28/10/2019; 1791/QĐ-UBND ngày 19/6/2023	397,23	148,21				0,98	0,98	Ban QLDA ĐTXD huyện	
E	NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2024				1.500,00	1.500,00		0,00	0,00				1.500,00	1.500,00		
I	LĨNH VỰC AN NINH				1.500,00	1.500,00		0,00	0,00				1.500,00	1.500,00		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025															
1	Hót đất và kê chống sạt lở khu vực Trạm Y tế, trụ sở Công an xã và Nhà bia ghi tên Liệt sỹ xã Quang Phong; thu hồi đất và hót đất, kê chống sạt lở khu vực trụ sở Công an xã Cư Lễ	2024	2024	3429/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1.500,00	1.500,00							1.500,00	1.500,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế ngân sách địa phương giao hết năm 2020	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Đề nghị điều chỉnh		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Nguồn NS địa phương	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán	Nguồn NS địa phương			Giảm	Tăng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế ngân sách địa phương giao hết năm 2020	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Đề nghị điều chỉnh		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Nguồn NS địa phương	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán	Nguồn NS địa phương			Giảm	Tăng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế ngân sách địa phương giao hết năm 2020	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Đề nghị điều chỉnh		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Nguồn NS địa phương	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán	Nguồn NS địa phương			Giảm	Tăng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

TT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện		Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế ngân sách địa phương giao hết năm 2020	Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Dự nghị điều chỉnh		Kế hoạch vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Nguồn NS địa phương	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán	Nguồn NS địa phương			Giảm	Tăng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

